

Sách Đa-ni-ên - Số Một Trăm Bảy Mươi Chín

Tiếng kêu nửa đêm và vai trò của Rôma trong lời tiên tri: vén mở những ngày sau rốt trong sách Đa-ni-ên

Jeff Pippenger

2024-04-09

Xét theo sách Đa-ni-ên, hiện giờ chúng ta đang đứng trên đất thánh, vì chúng ta đã đến những câu tiêu biểu cho Tiếng Kêu Nửa Đêm dành cho một trăm bốn mươi bốn nghìn người. Những câu ấy cũng xác định việc đóng ấn của tiêu kỳ được giương cao. Đây là những câu thuộc phần trong sách Đa-ni-ên liên quan đến thời kỳ sau rốt đã được mở ấn, và là sự diễn đạt của Đa-ni-ên về Khải Huyền của Đức Chúa Giê-su Christ, được mở ấn khi "thì giờ đã gần," ngay trước khi thời kỳ ân điển kết thúc trong câu mười sáu.

Chính La Mã xác lập khái tượng, như được thể hiện trong câu mười bốn của chương mười một; vì vậy, khi chúng ta đi qua các câu mười một đến mười lăm, điều quan trọng là phải xem xét kỹ La Mã, vì nơi nào "không có khái tượng, dân chúng diệt vong," và nếu anh em không tin Ê-sai chương bảy, câu tám và chín, "chắc chắn anh em sẽ không được lập vững."

Uriah Smith viện dẫn một quy tắc tiên tri ít nhất bốn lần trong cuốn sách của ông, Daniel and the Revelation. Quy tắc ấy xác định rằng một quyền lực tiên tri không được nhận diện trong lời tiên tri cho đến khi nó trở nên "gắn liền" với dân sự của Đức Chúa Trời. Lần đầu tiên ông đề cập đến quy tắc ấy là trong mối liên hệ với việc Babylon được đưa vào chứng ngôn tiên tri.

"Đó là một quy tắc giải thích hiển nhiên rằng chúng ta có thể trông đợi các dân tộc sẽ được đề cập trong lời tiên tri khi họ trở nên liên hệ với dân của Đức Chúa Trời đến mức việc đề cập đến họ trở nên cần thiết để làm cho các ghi chép của lịch sử thiêng liêng được trọn vẹn." Uriah Smith, Đa-ni-ên và Khải Huyền, 46.

Ít nhất ba lần khác, Smith đề cập đến quy tắc và mỗi lần ông đều chỉ ra "minh ước" của người Do Thái; tuy nhiên, ở một chỗ ông xác định rằng minh ước được hoàn tất vào năm 162 TCN, còn hai chỗ kia thì phù hợp với các sử gia hiện đại, những người cho rằng việc hoàn tất "minh ước" giữa người Do Thái và La Mã là vào năm 161 TCN.

"Không cần phải nhắc đọc giả rằng các chính quyền trần thế không được đưa vào lời tiên tri cho đến khi bằng một cách nào đó chúng trở nên có liên hệ với dân sự của Đức Chúa Trời. La Mã đã trở nên có liên hệ với người Do Thái, dân sự của Đức Chúa Trời vào thời điểm ấy, qua Liên minh Do Thái nổi tiếng, năm 161 TCN. 1 Maccabees 8; Antiquities của Josephus, quyển 12, chương 10, mục 6; Prideaux, Tập II, trang 166. Nhưng bảy năm trước đó, tức là vào năm 168 TCN, La Mã đã chinh phục Macedonia, và biến xứ ấy thành một phần của đế quốc mình. Vì vậy, La Mã được đưa vào lời tiên tri đúng vào lúc nó, từ chiếc sừng Macedonia đã bị chinh phục của con dê đực, đang tiến ra để thực hiện những cuộc chinh phục mới theo các hướng khác. Do đó, nó đã hiện ra với nhà tiên tri, hoặc có thể được nói đến một cách thích đáng trong lời tiên tri này, như là đi ra từ một trong những chiếc sừng của con dê đực." Uriah Smith,

Daniel and the Revelation, 175.

Nhưng Smith cũng cho rằng đó là năm 162 trước Công nguyên.

“Cũng chính quyền lực ấy sẽ đứng trong Đất Thánh, và nuốt lấy nó. La Mã đã liên kết với dân sự của Đức Chúa Trời, tức người Do Thái, bằng một minh ước vào năm 162 TCN; kể từ thời điểm ấy, nó giữ một vị trí nổi bật trong niên biểu tiên tri. Tuy nhiên, mãi đến năm 63 TCN nó mới thực sự giành được quyền tài phán trên Giu-đê bằng sự chinh phục; và điều đó đã diễn ra theo cách sau đây.” Uriah Smith, Daniel and the Revelation, 259.

Và rồi đến lần thứ ba ông ấy nhắc đến sự kiện đó, ông ấy lại nói là năm 161 TCN.

“Sau khi đã dẫn chúng ta đi qua các biến cố thế tục của đế quốc cho đến cuối bảy mươi tuần lễ, nhà tiên tri, ở câu 23, đưa chúng ta trở lại thời điểm người La Mã bắt đầu có mối liên hệ trực tiếp với dân sự của Đức Chúa Trời qua minh ước của người Do Thái, năm 161 TCN; từ mốc ấy, chúng ta tiếp tục được dẫn đi theo một tuyến biến cố trực tiếp cho đến sự khai hoàn cuối cùng của hội thánh, và sự thiết lập vương quốc đời đời của Đức Chúa Trời. Người Do Thái, vì bị các vua Sy-ri áp bức nặng nề, đã sai một phái bộ đến La Mã để cầu viện người La Mã, và liên kết mình với họ trong ‘một minh ước hữu nghị và liên minh.’ 1 Maccabees 8; Prideaux, II, 234; Josephus’s Antiquities, quyển 12, chương 10, mục 6. Người La Mã đã lắng nghe lời thỉnh cầu của người Do Thái, và ban cho họ một sắc lệnh, được viết bằng những lời này:—”

"Sắc lệnh của viện nguyên lão về một hiệp ước viện trợ và hữu nghị với dân tộc Do Thái. Bất kỳ ai thuộc quyền cai trị của người La Mã đều không được phép gây chiến với dân tộc Do Thái, cũng không được trợ giúp những kẻ làm như vậy, dù bằng cách gửi cho họ ngũ cốc, tàu thuyền hoặc tiền bạc; và nếu có cuộc tấn công nào nhằm vào người Do Thái, người La Mã sẽ trợ giúp họ trong phạm vi khả năng của mình; và ngược lại, nếu có cuộc tấn công nào nhằm vào người La Mã, người Do Thái sẽ trợ giúp họ. Và nếu người Do Thái muốn bổ sung hoặc bớt điều khoản trong hiệp ước viện trợ này, thì điều đó sẽ được thực hiện với sự đồng thuận chung của người La Mã. Và bất cứ sự bổ sung nào được thực hiện như vậy sẽ có hiệu lực." "Sắc lệnh này," Josephus nói, "được viết bởi Eupolemus, con trai của John, và bởi Jason, con trai của Eleazer, khi Judas là thượng tế của dân tộc, và Simon, anh của ông, là tổng chỉ huy quân đội. Và đây là hiệp ước đầu tiên mà người La Mã lập với người Do Thái, và đã được tiến hành theo cách này." Uriah Smith, Daniel and the Revelation, 271.

Không phải trách nhiệm của tôi giải thích vì sao Smith trích dẫn năm 162 TCN, ngoài giả định của tôi rằng đó là một lỗi đánh máy. Điều tôi muốn nói là dẫn lại sự nhấn mạnh mà ông đặt vào điều ông gọi là “một quy tắc giải thích rõ ràng rằng chúng ta có thể trông đợi các quốc gia được lưu ý trong lời tiên tri khi họ trở nên gắn bó với dân của Đức Chúa Trời đến mức việc nhắc đến họ trở nên cần thiết để làm cho các ghi chép của lịch sử thánh được hoàn chỉnh.” Khi Smith nhấn mạnh quy tắc đó, ông xác định rằng La Mã trở nên liên hệ với dân của Đức Chúa Trời tại “hiệp ước” ở câu 23 vào năm 161 TCN, nhưng Smith cho rằng La Mã lần đầu được đưa vào mạch tường thuật tiên tri vào năm 200 TCN, ba mươi chín năm trước năm 161 TCN.

Một quyền lực mới nay được giới thiệu — 'những kẻ cướp của dân người'; theo nghĩa đen, Giám mục Newton nói, 'những kẻ bẻ gãy dân người.' Ở nơi xa xôi bên bờ sông Tiber, một

vương quốc đã áp ủ những dự đồ tham vọng và mưu tính đen tối. Ban đầu nhỏ bé và yếu ớt, nó lớn lên với tốc độ kỳ diệu về sức mạnh và sinh lực, thậm trọng vươn ra chỗ này chỗ khác để thử oai lực và thử sức cánh tay chiến chinh của mình, cho đến khi, ý thức được quyền lực của mình, nó hiên ngang ngẩng cao đầu giữa các dân tộc trên thế gian và, bằng bàn tay vô địch, nắm quyền điều khiển công việc của họ. Từ đây, tên tuổi La Mã đứng trên trang sử, được định sẵn qua bao thời đại để chi phối công việc của thế giới và gây ảnh hưởng to lớn giữa các dân tộc cho đến tận cùng thời gian.

“Rô-ma đã lên tiếng; và Sy-ri cùng Ma-xê-đô-ni chẳng bao lâu đã thấy một sự thay đổi xảy đến trên diện mạo của giấc mộng họ. Người La Mã đã can thiệp để bênh vực vị vua trẻ của Ai Cập, quyết định rằng ông phải được bảo vệ khỏi sự hủy diệt do Antiochus và Philip mưu toan. Đó là vào năm 200 TCN, và là một trong những sự can thiệp quan trọng đầu tiên của người La Mã vào các công việc của Sy-ri và Ai Cập.” Uriah Smith, Daniel and the Revelation, 256.

La Mã lần đầu tiên được đưa vào tường thuật tiên tri vào năm 200 TCN, và sự giới thiệu ấy, ở câu mười bốn, là sự nhắc đến La Mã quan trọng nhất trong toàn bộ sách Đa-ni-ên, vì chính câu ấy xác định La Mã là biểu tượng thiết lập khái tượng. Việc vì sao Smith có thể nhấn mạnh một quy tắc tiên tri như vậy, rồi lại dẫn năm 161 TCN, đồng thời vẫn coi năm 200 TCN là thời điểm quyền lực La Mã được “giới thiệu”, không phải là vấn đề tôi muốn giải quyết. Nếu tôi có một câu hỏi cần được giải quyết, thì đó sẽ là việc quy tắc do Smith định nghĩa có hợp lệ hay không. Nếu hợp lệ, tôi sẽ cho rằng câu mười bốn phải có một mối liên hệ với người Do Thái, xảy ra trước hiệp ước năm 161 TCN.

Tôi hiểu rằng nội dung các câu mười ba đến mười lăm đang chỉ ra một giai đoạn lịch sử trong thời kỳ sau rốt, khi La Mã giáo hoàng xen mình vào lịch sử tiên tri, và điều đó diễn ra trong mối liên hệ với Hoa Kỳ, là dân của Đức Chúa Trời trong lịch sử ấy. Bởi Chúa Giê-su luôn dùng phân khởi đầu để minh họa phân kết, nên năm 200 trước Công Nguyên, khi La Mã ngoại giáo xuất hiện trong lịch sử, ắt phải có mối liên hệ với dân của Đức Chúa Trời trong bối cảnh ấy. Vì vậy, tôi đồng ý với quy tắc của Smith, dù ông không tìm thấy mối liên hệ trực tiếp nào giữa La Mã và người Do Thái vào năm 200 trước Công Nguyên.

Các câu 11 và 12 nêu rõ chiến thắng và những diễn biến sau đó của Trận Raphia, diễn ra vào năm 217 TCN, giữa Đế chế Seleukos do Antiochus III Magnus, hay “Đại đế”, lãnh đạo, và Vương quốc Ptolemaic Ai Cập do vua Ptolemy IV Philopator lãnh đạo. Trận chiến này diễn ra trong cuộc tranh giành quyền kiểm soát Coele-Syria (miền nam Syria) và miền nam Palestine, những lãnh thổ bị tranh chấp giữa các vương quốc Ptolemaic và Seleukos. Chiến thắng của Ptolemy IV Philopator tại Raphia đã cho phép ông duy trì quyền kiểm soát Coele-Syria và miền nam Palestine trong một thời gian.

Trận Panium, diễn ra mười bảy năm sau, vào năm 200 TCN, còn được gọi là Trận Núi Panium hoặc Trận Paneas, là cuộc chiến giữa Đế quốc Seleucid do vua Antiochus III lãnh đạo và Vương quốc Ptolemaios của Ai Cập do vua Ptolemy V lãnh đạo.

Ba mươi một năm sau, vào năm 167 TCN, cuộc khởi nghĩa Maccabe, một cuộc nổi dậy của người Do Thái chống lại những nỗ lực của Đế quốc Seleucid nhằm đàn áp các thực hành tôn giáo Do

Thái và áp đặt văn hóa Hy Lạp hóa, đã bắt đầu tại thị trấn Modein, một thị trấn nhỏ thuộc vùng Giuđêa, ở nơi ngày nay là Israel.

Sự kiện được đề cập liên quan đến vị vua Seleucid người Hy Lạp khét tiếng, Antiochus IV Epiphanes, người đã áp đặt các thực hành Hy Lạp hóa nghiêm ngặt lên dân Do Thái, bao gồm việc cấm các nghi lễ tôn giáo của người Do Thái và làm ô uế Đền Thờ ở Jerusalem. Để thực thi các sắc lệnh của mình, Antiochus đã cử phái viên đến nhiều thị trấn và làng mạc nhằm buộc cư dân Do Thái phải tuân theo mệnh lệnh của ông.

Tại Modein, một viên quan của nhà Seleukos đã đến để thi hành sắc lệnh của nhà vua bằng cách ra lệnh cho cư dân Do Thái tham gia các nghi lễ ngoại giáo và dâng lễ vật cho các vị thần Hy Lạp. Một tư tế Do Thái cao tuổi tên là Mattathias đã từ chối tuân lệnh và giết cả người Do Thái bước lên để dâng tế lễ lẫn viên quan Seleukos. Hành động phản kháng này của Mattathias và gia đình ông đã đánh dấu sự khởi đầu của cuộc Khởi nghĩa Maccabê chống lại sự cai trị của nhà Seleukos.

Mattathias và năm người con trai của ông, trong đó có Giuđa Maccabê, đã trốn lên miền đồi núi và bắt đầu một cuộc chiến du kích chống lại các lực lượng Seleucid. Cuộc nổi dậy dần dần lớn mạnh cả về lực lượng lẫn sự ủng hộ, dẫn đến một loạt chiến thắng quân sự trước người Seleucid.

Những biến cố tại Modein vào năm 167 TCN là một thời điểm mang tính bước ngoặt trong lịch sử Do Thái, đánh dấu sự khởi đầu của Cuộc Khởi Nghĩa Maccabê và cuộc đấu tranh giành tự do tôn giáo cùng nền độc lập chống lại ách cai trị ngoại bang. Việc tái cung hiến đền thờ thứ hai tại Giê-ru-sa-lem, vốn đánh dấu biến cố lịch sử được tưởng niệm trong dịp Hanukkah, đã diễn ra vào năm 164 TCN, tức ba năm trước “liên minh” ở câu hai mươi ba.

Sau khi giành lại Jerusalem và Đền Thờ, những người Maccabee đã thanh tẩy Đền Thờ khỏi những ô uế ngoại giáo và phục hồi nó cho mục đích tôn giáo đúng đắn. Theo truyền thống, họ chỉ tìm thấy một bình dầu đã được thánh hiến, chỉ đủ để thắp chân đèn menorah trong một ngày. Thực ra, không có nguồn sử liệu đương thời nào về sự kiện đó, và mãi đến thế kỷ thứ sáu mới thấy giai thoại Do Thái này xuất hiện trong văn bản. Bà White so sánh giáo hội Do Thái bội đạo với Giáo hội Công giáo, đặc biệt nhấn mạnh rằng cả hai giáo hội đều đặt tôn giáo trên các phong tục và truyền thống của con người. Cũng như vô số phép lạ bịa đặt trong lịch sử của Giáo hội dưới quyền Giáo hoàng, giai thoại về việc dầu đủ cho một ngày lại cháy suốt tám ngày không có nhân chứng lịch sử nào.

Câu mười của Đa-ni-ên chương mười một xác định trận chiến thứ nhất trong ba trận chiến của câu bốn mươi, là điều trước đây tôi đã xác định là ba trận chiến của một cuộc chiến tranh lạnh, đồng thời cũng là ba cuộc chiến tranh ủy nhiệm. Một chị em đã chất vấn việc tôi định nghĩa Chiến tranh Ukraina, là cuộc chiến thứ hai trong ba cuộc chiến này, như những cuộc chiến tranh lạnh, vì như chị ấy đã đúng khi chỉ ra, đã có vô số người chết và sự hủy diệt. Điều trước đây tôi đã xác định trong các bài viết trước là ba trận chiến của “chiến tranh lạnh”, được xác định theo cách đó nhằm nêu bật sự phân biệt giữa ba trận chiến này với ba cuộc Thế chiến xảy ra trong lịch sử của con thú từ đất ở Khải Huyền mười ba. Ba cuộc chiến này là những cuộc chiến tranh ủy nhiệm, và cũng đã được xác định theo cách đó.

Từ đây về sau trong các bài viết này, tôi dự định gọi ba trận chiến ấy là “ba trận chiến của câu bốn mươi” hoặc các cuộc chiến ủy nhiệm, nhằm loại bỏ sự bất nhất của việc xác định một cuộc chiến nóng như là một cuộc chiến lạnh. Theo định nghĩa của tôi, ba trận chiến của câu bốn mươi không bao gồm trận chiến năm 1798, dù trận chiến đó là một phần của câu bốn mươi, nhưng chỉ gồm ba trận chiến từ thời kỳ cuối cùng vào năm 1989 cho đến đạo luật ngày Chủ nhật của câu bốn mươi mốt. Ba trận chiến ấy được nhận diện chính xác hơn là các cuộc chiến ủy nhiệm, được thực hiện trong bối cảnh cuộc chiến giữa vua phương bắc và vua phương nam, mà trong lịch sử của câu bốn mươi tượng trưng cho cuộc chiến giữa Công giáo (vua phương bắc) và Chủ nghĩa Cộng sản (vua phương nam).

Trận thứ nhất trong ba trận ấy xác định chiến thắng của Công giáo trước Chủ nghĩa Cộng sản vào năm 1989, khi Tòa Thánh liên kết với đội quân ủy nhiệm của mình, do Hoa Kỳ đại diện, để quét sạch Liên Xô vào năm 1989, dù Nga, phần đầu (hay “pháo đài”), vẫn còn đứng vững. Chiến tranh Ukraine hiện nay một lần nữa là cuộc đối đầu giữa Công giáo và Chủ nghĩa Cộng sản, khi Tòa Thánh sử dụng chính phủ Ukraine làm lực lượng ủy nhiệm chống lại Nga, cùng với sự hỗ trợ của quyền lực ủy nhiệm trước đây của Tòa Thánh là Hoa Kỳ, bao gồm cả phần còn lại của thế giới phương Tây theo chủ nghĩa toàn cầu. Cuộc chiến đó được thể hiện trong các câu mười một và mười hai, và xác định rằng Chủ nghĩa Cộng sản (Nga) sẽ thắng thế trước Công giáo.

Trận chiến ủy nhiệm thứ ba trong ba trận ấy được trình bày trong câu mười lăm, là Trận Panium. Trận chiến ấy diễn ra giữa vương quốc Ptolemaic (vua phương nam) và vương quốc Seleucid (vua phương bắc). Trong trận chiến đó, đạo quân ủy nhiệm của Công giáo một lần nữa lại là Hoa Kỳ.

Trong trận chiến thứ nhất vào năm 1989, đạo quân ủy nhiệm của chiếc sừng Cộng hòa của Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ đã được giáo hoàng quyền sử dụng để đánh đổ cơ cấu chính trị của Liên Xô, đồng thời vẫn để nguyên vẹn đầu của nó (Nga). Trong trận chiến thứ hai, tức là cuộc chiến Ukraina, đạo quân ủy nhiệm của bọn Quốc Xã bị Nga đánh bại. Trong trận chiến thứ ba, Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ, đạo quân ủy nhiệm của giáo hoàng quyền, một lần nữa đánh bại vua phương nam.

Ba trận chiến mang dấu ấn của “Chân Lý”, với trận thứ nhất và trận cuối được tiến hành bởi lực lượng ủy nhiệm thắng trận của Hoa Kỳ. Trong trận thứ nhất, đầu của vua phương Nam vẫn nguyên vẹn, và trong trận thứ ba, lực lượng ủy nhiệm của Hoa Kỳ trở thành đầu của vua phương Nam. Lực lượng ủy nhiệm thứ hai cũng là lực lượng ủy nhiệm của giáo quyền Rôma trong Thế chiến thứ Hai. Trong cả hai trường hợp, lực lượng ủy nhiệm của chủ nghĩa Quốc xã đã và sẽ bị đánh bại. Giáo quyền hoàn toàn khuất phục mọi kẻ thù của mình trước câu mười sáu, khi liên minh ba bên được hoàn tất.

Ptolemy [Putin] thiếu sự khôn ngoan để tận dụng tốt chiến thắng của mình. Nếu ông tiếp tục theo đuổi thắng lợi ấy, có lẽ ông đã trở thành chủ của toàn bộ vương quốc của Antiochus; nhưng, chỉ bằng lòng với vài lời hăm dọa và đe nẹt, ông đã ký hòa ước để có thể mặc sức chiêu theo những dục vọng thú tính của mình một cách liên tục và không kiểm soát. Vì thế, sau khi chinh phục kẻ thù, ông lại bị chính thói xấu của mình khuất phục; và, quên đi danh tiếng lớn lao mà lẽ ra ông có thể gây dựng, ông đã tiêu phí thời gian vào tiệc tùng và dâm dật.

Lòng ông trở nên kiêu ngạo vì thành công của mình, nhưng điều ấy chẳng khiến ông vững mạnh hơn; vì việc ông sử dụng nó một cách ô danh đã khiến chính các thần dân của ông nổi loạn chống lại ông. Uriah Smith, Daniel and the Revelation, 254.

Nhân chứng thứ hai cho thấy chiến thắng của Putin đánh dấu sự cáo chung của ông là vua Uzziah của vương quốc Giu-đa miền nam, người cũng vì những chiến thắng quân sự mà trở nên kiêu ngạo, rồi, như Ptolemy, tìm cách đảm nhiệm công việc của các thầy tế lễ trong đền thánh, và bị mắc bệnh phong, lập tức bị loại khỏi quyền lực. Chiến thắng của Putin trong cuộc chiến Ukraine đánh dấu khởi đầu cho sự kết thúc của ông với tư cách vua phương nam (vua của chủ nghĩa vô thần). Sự kết thúc của ông được tiêu biểu bằng khởi điểm của vua phương nam mang tính tiên tri trong câu bốn mươi (Pháp), điều này chỉ ra một cuộc cách mạng lật đổ giới lãnh đạo, như đã xảy ra với Ptolemy. Kết cuộc của Putin cũng được thể hiện qua sự sụp đổ của Liên Xô, khi nhà lãnh đạo (Gorbachev) giải thể Liên Xô và ngay lập tức nhận một công việc tại Liên Hợp Quốc, biểu tượng toàn cầu hóa của chủ nghĩa vô thần trong thời kỳ sau rốt, tức vua phương nam. Sau chiến thắng của Putin tại Ukraine, ông cũng được ví với Napoleon ở Waterloo và cuộc lưu đày theo sau; cũng như vua Uzziah với bệnh phong và cuộc lưu đày tiếp đó, cùng cái kết trong cơn say của Ptolemy và sự chấm dứt của Liên Xô vào năm 1989.

Trận Panium xảy ra vào năm 200 TCN, và ngay trong chính năm ấy, La Mã công khai can thiệp vào dòng lịch sử. Sự xen vào của họ trong trình thuật tiên tri diễn ra trước cuộc chinh phục Giê-ru-sa-lem được tiêu biểu trong câu mười sáu và được ứng nghiệm vào năm 63 TCN, vào thời điểm bà tuyên bố mình là kẻ bảo vệ vị vua còn thơ ấu tại Ai Cập. Trong trận chiến thứ ba của câu bốn mươi, có liên quan đến vua phương bắc và vua phương nam, giáo hoàng quyền sẽ lại xen mình vào lịch sử, giả vờ là kẻ bảo hộ nước Nga. Cũng vào thời điểm ấy, Seleucus, trong hình bóng, đã đánh bại Ptolemy trong trận Panium, nhờ đó xác định rằng Hoa Kỳ, đạo quân ủy nhiệm của giáo hoàng quyền trong trận chiến thứ nhất và cuối cùng của câu bốn mươi, đánh bại “Ai Cập” (vua phương nam).

Năm 200 TCN, một cách tượng trưng chúng ta thấy chế độ giáo hoàng, khi con điểm của Ty-ơ bắt đầu cất lên những bài ca gian dân trước liên minh ba bên tại luật ngày Chủ nhật ở câu mười sáu. Đồng thời, Hoa Kỳ thắng thế trước Liên Hợp Quốc, qua đó củng cố vị thế của mình như vị vua hàng đầu trong số mười vua. Mọi diễn biến của liên minh ba bên được thực hiện tại luật ngày Chủ nhật đều được định đoạt trước câu mười sáu.

Cơ cấu chính trị của thế lực con rồng, được Liên Hợp Quốc đại diện, theo câu mười sáu thì đồng ý trao cơ cấu chính trị của mình cho con thú, nhưng trước khi làm như vậy chế độ giáo hoàng chinh phục tôn giáo của con rồng. Ngoại giáo phải một lần nữa bị dẹp bỏ. Tin Lành đã bị loại bỏ trong thời kỳ Reagan, trong trận chiến thứ nhất của câu bốn mươi, và vào thời vị tổng thống Cộng hòa cuối cùng, tôn giáo của con rồng cũng sẽ bị đặt dưới sự lệ thuộc của đạo Công giáo, như đã xảy ra vào năm 508. Quá trình loại bỏ mọi sự chống đối tôn giáo đối với việc chế độ giáo hoàng được đặt lên ngai bắt đầu vào thời kỳ Reagan, và kết thúc vào thời kỳ Trump. Sự kháng cự của phái Tin Lành bội đạo chống lại Công giáo đã bị loại bỏ trong trận chiến thứ nhất của câu bốn mươi, và sự kháng cự của chủ nghĩa thông linh sẽ bị loại bỏ trong trận chiến cuối cùng của câu bốn mươi.

Trong chính sự đan xen phức tạp của các sự kiện nhân loại ấy, Tin Lành bội đạo phải tự thiết lập mình như thẩm quyền tôn giáo và chính trị đối với mười vị vua trong Khải Huyền chương mười bảy. Do đó, Trận chiến Panium cho biết khi nào Hoa Kỳ thắng thế trước Liên Hợp Quốc, ngay trước luật ngày Chủ nhật ở câu mười sáu.

Đó là một quy tắc đã được xác lập của lời tiên tri rằng con rồng, con thú và tiên tri giả mỗi bên đều có những đặc điểm tiên tri riêng biệt của mình. Một trong những đặc điểm tiên tri ấy là con thú (Công giáo) luôn luôn, trong ý nghĩa tiên tri, được định vị tại thành Rôma. Tiên tri giả luôn luôn, trong ý nghĩa tiên tri, được định vị tại Hoa Kỳ. Nhưng đối với con rồng, đặc điểm về nơi con rồng được định vị trong ý nghĩa tiên tri là nó luôn luôn di chuyển. Con rồng khởi đầu ở trên trời, rồi đến Vườn Ê-đen, và cuối cùng con rồng được định vị tại Ai Cập.

Hãy nói và báo: Chúa là Đức Chúa Trời phán như vậy: Kia, Ta nghịch lại người, Pha-ra-ôn, vua Ai Cập, con rồng lớn đang nằm giữa các sông của mình, kẻ đã nói: “Sông của ta thuộc về ta, và chính ta đã làm ra nó cho mình.” Ê-xê-chi-ên 29:3.

Vị trí theo lời tiên tri của con rồng thay đổi. Vào thời của John, chỗ ngự của con rồng, tượng trưng cho ngai của nó, được xác định là ở Pergamos.

Hãy viết cho thiên sứ của Hội thánh tại Bết-găm: Đây là lời của Đấng cầm gươm sắc hai lưỡi: Ta biết các việc người làm và nơi người ở, tức là nơi có ngai của Sa-tan; người vẫn giữ vững danh Ta và không chối bỏ đức tin vào Ta, dầu trong những ngày Antipas, chứng nhân trung tín của Ta, đã bị giết giữa các người, nơi Sa-tan cư ngụ. Khải Huyền 2:12, 13.

Thông lệ của La Mã ngoại giáo là đem mọi thần linh ngoại giáo mà họ có liên hệ về lại thành phố Rô-ma, và biểu trưng họ trong Đền Pantheon. Đây là lý do Đa-ni-ên chép rằng “nơi thánh của nó đã bị quăng xuống.” Nơi thánh của La Mã ngoại giáo là thành phố Rô-ma, đã bị Constantine quăng xuống vào năm 330, nhưng đền thánh ở “trong” Rô-ma là Đền Pantheon, Pan-Theon có nghĩa là “đền của mọi thần.” Người La Mã đã chuyển chỗ ngai của Sa-tan từ Bết-găm đến Đền Pantheon. Bà White cho biết rằng La Mã ngoại giáo là con rồng.

Do đó, tuy con rồng chủ yếu đại diện cho Sa-tan, nhưng trong nghĩa thứ yếu, nó là biểu tượng của La Mã ngoại giáo. Đại Tranh Chiến, 439.

La Mã ngoại giáo bị chia thành mười quốc gia, và Pháp trở thành vua phương nam khi nước này du nhập chủ nghĩa vô thần của Ai Cập trong thời kỳ Cách mạng Pháp. Đến năm 1917, con rồng đã chuyển từ Pháp sang Nga. Câu mười tượng trưng cho năm 1989, và các câu mười một và mười hai tượng trưng cho các trận chiến của “ranh giới” (Raphia và Ukraine), và trận Panium tượng trưng cho bước thứ ba mà giáo quyền La Mã thực hiện khi cùng cố liên minh ba bên trong câu mười sáu. Điều đó tượng trưng cho lịch sử ẩn giấu của câu bốn mươi.

Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu này trong bài viết tiếp theo.

Khi Giê-xu đến vùng phụ cận Xê-xa-rê Phi-líp [Panium], Ngài hỏi các môn đồ rằng: Người ta nói Ta, Con Người, là ai? Họ thưa: Kẻ thì nói Thầy là Giăng Báp-tít; kẻ khác, Ê-li; người nữa, Giê-rê-mi, hoặc một trong các đấng tiên tri. Ngài phán với họ: Còn các người, các người nói Ta là ai? Si-môn Phi-e-rơ đáp rằng: Thầy là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hằng sống. Giê-xu

đáp và phán với ông: Hỡi Si-môn, con Giô-na, ngươi có phúc, vì chẳng phải thịt và huyết bày tỏ điều ấy cho ngươi, nhưng là Cha Ta ở trên trời. Ta cũng nói với ngươi rằng: Ngươi là Phi-e-ơ, và trên đá này Ta sẽ xây Hội Thánh Ta; các cửa âm phủ chẳng thắng được nó. Ta sẽ trao cho ngươi những chìa khóa của Nước Trời; điều gì ngươi buộc ở dưới đất sẽ được buộc ở trên trời; điều gì ngươi cởi ở dưới đất sẽ được cởi ở trên trời. Bây giờ Ngài nghiêm dặn các môn đồ đừng nói với ai rằng Ngài là Giê-xu, Đấng Christ. Từ lúc đó, Giê-xu bắt đầu cho các môn đồ biết rằng Ngài phải đi lên Giê-ru-sa-lem, chịu nhiều khổ bởi các trưởng lão, các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo, bị giết, và đến ngày thứ ba sẽ sống lại. Ma-thi-ơ 16:13-21.